

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2022

Giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T. Sinh năm: 1987

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu N. Sinh năm: 1984

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/4/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu N đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 04/9/2011 và cháu Nguyễn Hữu Tuấn A, sinh ngày 24/5/2018.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Tuấn A, sinh ngày 24/5/2018; anh Nguyễn Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 04/9/2011 (phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu T). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị T chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0014144 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Phạm Thị T được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hằng**